

# TỪ MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG, LẠM BÀN MỘT VÀI KHÍA CẠNH TRONG TƯ DUY LẬP PHÁP

Lê Thu Hà\*

**L**uật Công chứng được Quốc hội khóa XXI, kỳ họp thứ 10 ban hành ngày 29/11/2006, có hiệu lực từ 1/7/2007. Trong Luật Công chứng, liên quan đến công tác đào tạo, có hai vấn đề mà chúng tôi muốn trao đổi:

## 1. Về thời gian đào tạo nghề công chứng

Một trong những điểm quan trọng, lần đầu tiên được ghi nhận trong Luật Công chứng là việc quy định tiêu chuẩn công chứng viên.

*Điều 13 Luật Công chứng quy định tiêu chuẩn công chứng viên*

*1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ tiêu chuẩn sau đây thì được xem xét, bổ nhiệm làm công chứng viên:*

- a) Có bằng cử nhân luật;*
- b) Có thời gian công tác pháp luật từ năm năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức;*
- c) Có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề công chứng;*
- d) Đã qua thời gian tập sự hành nghề công chứng;*
- d) Có sức khỏe bảo đảm hành nghề công chứng.*

*2. Thời gian đào tạo nghề công chứng và tập sự hành nghề công chứng được tính vào thời gian công tác pháp luật.*

Tại điểm c, khoản 1, Điều 13 Luật Công chứng quy định một trong các tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên là phải có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề công chứng. Xét dưới góc độ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công cuộc cải cách

tư pháp, đây là một quy định hết sức quan trọng và cần thiết. Chất lượng đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ tư pháp nói riêng có đáp ứng được yêu cầu công việc hay không phụ thuộc phần lớn vào chiến lược đào tạo cán bộ. Ở phương diện vĩ mô, chiến lược đào tạo cán bộ liên quan đến chương trình giáo dục, từ bậc phổ thông đến đại học và đào tạo nghề. Ở cấp độ thấp hơn, đó là chương trình đào tạo nghề. Bất kỳ một công việc nào, nhất là giai đoạn hiện nay đều đòi hỏi cao tính chuyên nghiệp trong công việc. Chỉ khi xây dựng, tích lũy đủ kiến thức nghề nghiệp, một người mới có khả năng hoàn thành yêu cầu đối với vị trí công việc của mình. Theo phương diện này, từ những người làm nghề đơn giản như một lao công, một thợ máy đến những nghề luật như: nghề của thẩm phán, nghề luật sư, nghề thi hành án... đều phải được đào tạo và chỉ có thể được đào tạo nghề nghiệp, những người này mới có đủ kiến thức, trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp. Việc đào tạo những người làm nghề luật cũng có nhiều cấp độ, đào tạo ở bậc cử nhân, đào tạo nghề sau cử nhân, các chương trình đào tạo lại (bồi dưỡng) liên quan đến kiến thức nghề nghiệp... Quy định tiêu chuẩn có chứng chỉ đào tạo nghề cho bất kỳ một ngành nghề nào đang là vấn đề được quan tâm, là nhu cầu của xã hội hiện đại. Trong bối cảnh đó, các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động liên quan đến các ngành nghề, trong đó có Luật Công chứng, đã quy định tiêu chuẩn phải được đào tạo nghề cho người làm nghề là hết sức cần thiết, thể hiện sự nhạy bén và tầm nhìn chiến lược trong tư duy của các nhà lập pháp.

Tuy nhiên, với vai trò của người định hướng, nhà làm luật chỉ nên quy định phải đào tạo nghề, còn nội dung đào tạo, chương trình đào tạo, thời gian đào tạo... là công việc

\* TS Luật học, Học viện Tư pháp

của nhà chuyên môn. Chỉ những người làm chuyên môn mới biết chính xác một nghề nghiệp cần những kiến thức, những nghiệp vụ nào phục vụ cho nghề nghiệp đó. Trên cơ sở quy định của luật về việc phải có chứng chỉ đào tạo nghề, nhà chuyên môn mà trong trường hợp này là cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo phải xác định nội dung đào tạo. Và từ nội dung đào tạo, xác định thời gian đào tạo phù hợp. Phân tích theo góc độ này, nhà làm luật và nhà làm chuyên môn có vị trí độc lập tương đối với nhau, nhà làm luật không thể làm thay được vị trí của nhà chuyên môn. Bởi thế, bên cạnh điểm mới quy định tiêu chuẩn đào tạo nghề như một thành công đáng ghi nhận của Luật Công chứng, thì Điều 14 quy định về thời gian đào tạo nghề công chứng lại là một vấn đề cần bàn.

*Điều 14 quy định về đào tạo nghề công chứng*

1. Người có bằng cử nhân luật được đăng ký tham dự khóa đào tạo nghề công chứng tại cơ sở đào tạo nghề công chứng.

2. Thời gian của khóa đào tạo nghề công chứng là sáu tháng;

Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề công chứng được cơ sở đào tạo nghề công chứng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề công chứng.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của cơ sở đào tạo nghề công chứng và quy định việc công nhận đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.

Quy định về thời gian đào tạo nghề công chứng là sáu tháng trong Luật Công chứng, nhà làm luật đã trở thành một nhà làm chuyên môn. Có thể so sánh việc này giống như việc cho một chiếc áo may sẵn. Người may hoàn toàn không quan tâm đến khổ người mặc to hay nhỏ, thấp hay cao. Tính chất áp đặt, mệnh lệnh buộc người mặc áo phải sử dụng chiếc áo đã may sẵn mà không cần biết chiếc áo đó có phù hợp với người mặc hay không. Rõ ràng, tư duy áp đặt này không phù hợp với thời điểm hiện nay, nhất là trong việc xây dựng pháp luật. Quy định

thời gian đào tạo nghề công chứng buộc nhà làm chuyên môn, trong trường hợp này là cơ sở được giao đào tạo nghề công chứng phải xây dựng một chương trình đào tạo với thời hạn ấn định là sáu tháng, trong khi đó, thời gian đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế có thể dài hơn, có thể ngắn hơn. Cách tư duy mang tính áp đặt đã đặt cơ sở đào tạo nghề vào một việc buộc phải nghĩ ra một chương trình đào tạo phù hợp với thời hạn đã được ấn định trong luật.

Cách mà nhà làm luật đã không quan tâm, rằng phải cần một thời gian đào tạo ngắn hơn hoặc dài hơn chính là một loại tư duy duy ý chí. Đây thực sự là một khó khăn rất lớn cho cơ sở đào tạo nghề nói chung cũng như đào tạo nghề công chứng nói riêng.

**2. Về quy định miễn đào tạo nghề công chứng**

Sự duy ý không chỉ thể hiện khi ấn định thời gian đào tạo nghề công chứng quy định tại Điều 14, khoản 2, mà còn thể hiện trong quy định về người được miễn đào tạo nghề công chứng tại Điều 15 của Luật Công chứng.

*Điều 15 quy định người được miễn đào tạo nghề công chứng*

1. Đã làm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên; luật sư đã hành nghề từ ba năm trở lên.

2. Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sĩ luật.

3. Đã là thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành kiểm sát; chuyên viên cao cấp, nghiên cứu cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật.

Nếu Điều 13, khoản 1, điểm c đề cao vai trò của nghề, tôn vinh tính nghề nghiệp thì Điều 15 cho thấy, nhà làm luật đã mâu thuẫn với vấn đề mang tính nguyên tắc mà chính mình đã đề ra. Việc quy định một số những người được miễn đào tạo nghề công chứng tại Điều 15 cho thấy có sự mơ hồ, nhầm lẫn về tính nghề nghiệp. Những người ở những vị trí được quy định tại Điều 15, thậm chí đã

rất giỏi trong vị trí nghề nghiệp của mình, nhưng công chứng lại là một nghề nghiệp mới, có những nghiệp vụ khác với nghiệp vụ mà họ đã từng làm. Nghề nghiệp mới này không phải chỉ cần có kiến thức luật, mà còn cần kiến thức nghiệp vụ. Kiến thức luật thì họ đã có, còn nghiệp vụ công chứng đối với họ lại hoàn toàn mới, họ cần phải được trang bị, cần phải được đào tạo. Sự dễ dãi của Luật Công chứng trong trường hợp này vô tình đã đẩy những người được nói đến tại Điều 15 vào tình thế khó khăn: họ buộc phải hành nghề trong điều kiện không có kiến thức nghề nghiệp, chính xác hơn là không có kiến thức nghiệp vụ công chứng. Đây sẽ không chỉ là khó khăn cho người làm nghề công chứng mà còn là khó khăn rất lớn cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở phương diện quản lý nhà nước, khi Luật Công chứng mở rộng tổ chức hành nghề công chứng, ngoài Phòng Công chứng theo hình thức truyền thống, còn có Văn phòng công chứng. Trong bối cảnh này, vai trò quản lý của nhà nước thể hiện qua chất lượng hành nghề công chứng, bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động công chứng. Về phương diện xã hội, sẽ có thể có những người dân trở thành nạn nhân của những công chứng viên hành nghề mà không biết rõ nghề, mặc dù nắm rất chắc luật. Cần nhấn mạnh, sự phân tích này không có nghĩa là không tôn trọng những người được đề cập trong Điều 15 Luật Công chứng hay đề cao nghề công chứng. Bất kỳ một nghề nghiệp nào cũng cần được tôn vinh, được đặt đúng vị trí đúng như nguyên tắc mà chính nhà làm luật đã xây dựng trong các luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức nghề nghiệp.

Điều đáng nói là vai trò của việc đào tạo nghiệp vụ công chứng đã từng được khẳng định trong văn bản pháp luật đầu tiên về hoạt động công chứng. Điều 14 Nghị định số 45-HĐBT ngày 27-2-1991 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước quy định một trong những điều

kiện để được bổ nhiệm làm công chứng viên là “phải được huấn luyện nghiệp vụ công chứng”. Điều này có nghĩa là bất kỳ ai, đang làm gì, dù có tốt nghiệp đại học pháp lý, có thời gian công tác pháp luật từ năm năm trở lên, để trở thành công chứng viên đều phải qua huấn luyện nghiệp vụ.

*Điều 14 Nghị định số 45-HĐBT quy định những người có đủ điều kiện sau đây có thể được bổ nhiệm làm công chứng viên:*

- 1- Là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 2- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- 3- Tốt nghiệp đại học pháp lý;
- 4- Đã làm công tác pháp luật từ 5 năm trở lên và được huấn luyện nghiệp vụ công chứng.

*Công chứng viên được cấp và sử dụng thẻ công chứng viên trong khi làm nhiệm vụ.*

Một điều nữa cần phải nói thêm là trong Dự thảo Luật Công chứng cuối cùng lấy ý kiến đóng góp, hoàn toàn không có quy định về thời gian đào tạo và người được miễn đào tạo nghề công chứng.

Sự thay đổi, không nhất quán và mâu thuẫn trong các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động công chứng cho thấy sự thiếu những căn cứ cần thiết trong xây dựng luật. Khi đưa quy định này vào hoặc khi bỏ những quy định này đi, cần phải có sự lý giải tại sao. Sự lý giải cũng không thể mang tính cá nhân, thích thì đưa ra quy định này, không thích thì không quy định mà phải dựa trên lợi ích quốc gia, dân tộc. Nghĩa là sự lý giải tại sao cũng phải ở tầm vĩ mô. Nhà làm luật cần đứng ở vị trí lớn hơn, tổng thể hơn so với nhà làm chuyên môn.

Có thể nói, cũng với quy định về thời gian đào tạo nghề công chứng, tư duy về người được miễn đào tạo nghề công chứng đã đẩy nhà làm luật đi xa vị trí của mình, thể hiện tính áp đặt, duy ý, một loại tư duy cần phải loại bỏ trong quá trình làm luật.